

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

MST: 0101809894

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

( Quý 4/2018)

Gồm có:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh
2. Bảng cân đối kế toán
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

Hà nội, tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ : Lô CN1, Cụm Công Nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

MST; 0101809894

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01/10/2018 Đến ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Quý 04 năm 2018		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	78 348 326 838	75 632 279 677	221 644 078 616	181 982 178 332
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	191 643 168	127 595 650	981 662 955	437 984 219
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV</b>	<b>78 156 683 670</b>	<b>75 504 684 027</b>	<b>220 662 415 661</b>	<b>181 544 194 113</b>
4. Giá vốn hàng bán	67 440 471 250	66 143 405 146	193 724 367 425	158 446 781 398
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV</b>	<b>10 716 212 420</b>	<b>9 361 278 881</b>	<b>26 938 048 236</b>	<b>23 097 412 715</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	366 624 546	445 791 030	788 972 115	539 066 069
7. Chi phí tài chính	38 742 573	112 699 151	457 794 706	113 007 521
.- Trong đó: Lãi vay phải trả	4 571 620	95 831 937	366 822 749	95 831 937
8. Chi phí bán hàng	1 441 648 331	1 300 543 759	5 282 633 754	5 420 417 361
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	1 356 633 190	1 038 775 398	4 569 325 844	4 074 289 916
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD</b>	<b>8 245 812 872</b>	<b>7 355 051 603</b>	<b>17 417 266 047</b>	<b>14 028 763 986</b>
11. Thu nhập khác	400 112 371	52 544 651	2 919 045 601	300 871 885
12. Chi phí khác	176 777	2 418 514 193	961 859	2 447 713 873
13. Lợi nhuận khác	399 935 594	(2 365 969 542)	2 918 083 742	(2 146 841 988)
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>8 645 748 466</b>	<b>4 989 082 061</b>	<b>20 335 349 789</b>	<b>11 881 921 998</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1 735 328 789	1 218 502 768	4 106 900 101	2 604 013 820
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>6 910 419 677</b>	<b>3 770 579 293</b>	<b>16 228 449 688</b>	<b>9 277 908 178</b>

Ngày 19 Tháng 01 Năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Bá Đạt Hợp

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Đạt Hợp

Giám đốc



GIÁM ĐỐC  
Hoàng Mạnh Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ : Lô CN1, Cụm Công Nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội.

MST: 0101809894

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Từ ngày 01/01/2018 Đến ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyếtmin	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A-Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>83 657 097 805</b>	<b>80 171 597 470</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1 386 087 431</b>	<b>1 687 069 644</b>
1. Tiền	111	V1	1 386 087 431	1 687 069 644
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V2b		
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>58 444 024 302</b>	<b>58 846 059 920</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V3	57 119 947 990	55 212 012 395
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		747 855 193	2 770 038 173
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V4	1 758 920 074	1 936 009 352
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1 182 698 955)	(1 072 000 000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V5		
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>23 818 679 072</b>	<b>19 570 539 090</b>
1. Hàng tồn kho	141	V7a	24 013 227 547	20 013 339 090
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		( 194 548 475)	( 442 800 000)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8 307 000</b>	<b>67 928 816</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V13	8 307 000	67 928 816
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V17		
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V14a		
<b>B-Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>5 526 732 841</b>	<b>2 575 241 070</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4 766 499 106</b>	<b>2 069 020 074</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V9	4 686 375 856	1 958 765 390
- Nguyên giá	222		8 916 187 026	5 763 378 803
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4 229 811 170)	(3 804 613 413)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V11		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			

M.C.

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyếtmin	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Tài sản cố định vô hình	227	V10	80 123 250	110 254 684
- Nguyên giá	228		159 181 000	159 181 000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		( 79 057 750)	( 48 926 316)
<b>III- Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V12</b>		
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV- Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V8a		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V8b		
<b>V-Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V2c</b>		
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên danh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>760 233 735</b>	<b>506 220 996</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V13	760 233 735	506 220 996
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268	V14b		
<b>Tổng cộng tài sản (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>89 183 830 646</b>	<b>82 746 838 540</b>
<b>C-Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>22 632 641 232</b>	<b>52 424 098 814</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>22 632 641 232</b>	<b>52 424 098 814</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V16a	17 838 812 379	36 597 009 505
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		583 529 500	569 846
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V17	2 226 905 833	1 610 146 927
4. Phải trả người lao động	314		1 577 851 699	1 522 429 681
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V18a		20 378 123
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V20a		
9. Các khoản phải trả ngắn hạn	319	V19a	420 280 250	317 633 820
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V15		12 278 096 341
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V23a		
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		( 14 738 429)	77 834 571
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V18b		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V20b		
7. Phải trả dài hạn khác	337	V19b		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V21		
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V24		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V23b		



Chỉ tiêu	Mã số	Thuyếtmin	Số cuối kỳ	Số đầu năm
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<i>D-Vốn chủ sở hữu</i>	<b>400</b>		<b>66 551 189 414</b>	<b>30 322 739 726</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V25</b>	<b>66 551 189 414</b>	<b>30 322 739 726</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50 000 000 000	20 000 000 000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		123 932 857	923 932 857
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16 427 256 557	9 398 806 869
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		198 806 869	120 898 691
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16 228 449 688	9 277 908 178
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II - Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431	V28		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>89 183 830 646</b>	<b>82 746 838 540</b>

Người lập

Nguyễn Bá Hải Hợp

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Hải Hợp

Ngày 19 tháng 01 năm 2019

Giám đốc



GIÁM ĐỐC  
Hoàng Mạnh Tân



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày 01/01/2018 Đến ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		230 546 771 821	106 860 017 624
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(211 841 226 552)	(94 250 449 552)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8 233 110 186)	(7 207 073 383)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		( 387 200 872)	( 69 681 936)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(3 589 949 355)	(2 147 600 814)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3 028 899 691	8 452 510 493
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11 254 939 682)	(13 018 655 273)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(1 730 755 135)</b>	<b>(1 380 932 841)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		32 171 000	82 041 310
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(4 000 000 000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			6 000 000 000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21 939 489	95 781 462
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>54 110 489</b>	<b>2 177 822 772</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		20 000 000 000	
2. Tiền chi trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(18 624 337 567)	( 138 000 000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1 375 662 433</b>	<b>( 138 000 000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>( 300 982 213)</b>	<b>658 889 931</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1 687 069 644</b>	<b>1 028 179 713</b>
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>		<b>1 386 087 431</b>	<b>1 687 069 644</b>

Ngày 19 Tháng 01 Năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Bá Thu Hợp

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thu Hợp

Giám đốc



GIÁM ĐỐC  
Hoàng Mạnh Tuấn

# **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

( Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018)

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

##### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh các thiết bị năng lượng.

##### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

##### **5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

##### **6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 87 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 69 nhân viên).

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

##### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 31/12/2018.

##### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

##### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

#### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

## **7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 6

## **8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là “Chương trình phần mềm máy tính”. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

## **9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **10. Vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **12. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

#### **13. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### **14. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	199.925.608	258.585.611
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.186.161.823	1.428.484.033
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)		
<b>Cộng</b>	<b>1.386.087.431</b>	<b>1.687.069.644</b>

##### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>49.446.636.380</b>	<b>48.925.032.342</b>
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	32 670	1 182 478
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà Nghệ An	3 430 156 683	4 953 119 902
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh		2 902 717 856
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	34 303 208 292	31 398 948 561
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung	227 212 128	579 029 990
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Toàn Mỹ	2 916 962 951	1 850 293 831
Công ty TNHH Một Thành Viên Logistics Sơn Hà		2 295 400
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	3 194 400	1 972 793
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Bắc	111 043 680	
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)		29 252 018
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	6 860 131 257	5 716 008 593
Công ty TNHH Một thành viên Quốc Tế Sơn Hà - Chu Lai	1 594 694 319	1 490 210 920
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>7.673.311.610</b>	<b>6.286.980.053</b>
Các khách hàng khác	7.673.311.610	6.286.980.053
<b>Cộng</b>	<b>57.119.947.990</b>	<b>55.212.012.395</b>

##### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<b><i>Trả trước cho các bên liên quan</i></b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b><i>Trả trước cho người bán khác</i></b>	<b>747.855.193</b>	<b>2.770.038.173</b>
Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bắc Ninh	112.905.199	
Công ty TNHH Công nghệ chế tạo và hóa chất công nghiệp TNT	184.910.000	
Công ty Cổ phần chứng khoán ARTEX	80.000.000	
GUANGZHOU GLORYMAN IPORT & EXPORT CO.,LTD		191.325.120
HAINING FU JIANG IMP&EXP CO.,LTD	118.273.856	2.022.244.498
HAINING BAOGUANG SOLAR ENERGY INDUSTRIAL CO., LTD		521.714.554

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

DONGGUAN ZHENGYANG IMPORT AND EXPORT TRADING CO.,LTD		
	241.471.138	
Các nhà cung cấp khác	10.295.000	34.754.001
<b>Cộng</b>	<b>747.855.193</b>	<b>2.770.038.173</b>

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>			465.763.375	
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà			442.217.125	
Ông Lê Vĩnh Sơn			23.546.250	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>1.311.650.772</b>	<b>(1.072.000.000)</b>	<b>1.470.245.977</b>	<b>(1.072.000.000)</b>
Ông Kiều Thanh Phong	536.000.000	(536.000.000)	536.000.000	(536.000.000)
Ông Nguyễn Văn Thảo	536.000.000	(536.000.000)	536.000.000	(536.000.000)
Tạm ứng	536.963.000		195.570.000	
Cầm cố, thế chấp	10.282.500		10.282.500	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	139.674.574	(110.698.95)	192.393.477	
<b>Cộng</b>	<b>1.758.920.074</b>	<b>(1.182.698.955)</b>	<b>1.936.009.352</b>	<b>(1.072.000.000)</b>

**6. Nợ xấu**

	Số cuối năm/kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có
			thể thu hồi			thể thu hồi
Ông Hoàng trọng Thủy	Trên 12 tháng	211.397.909		Trên 12 tháng	231.397.909	
Ông Kiều Thanh Phong	Trên 3 năm	536.000.000		Trên 3 năm	536.000.000	
Ông Nguyễn Văn Thảo	Trên 3 năm	536.000.000		Trên 3 năm	536.000.000	
<b>Cộng</b>		<b>1.283.397.909</b>			<b>1.303.397.909</b>	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.072.000.000	
Trích lập dự phòng bổ sung	110.698.954	1.072.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.182.698.955</b>	<b>1.072.000.000</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Hàng mua đang đi trên đường	916.576.064			
Nguyên liệu, vật liệu	15.364.193.930	(194.548.475)	13.510.324.102	(315.978.806)
Công cụ, dụng cụ	213.213.936		123.176.772	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	344.674.853		30.859.540	
Thành phẩm	5.759.044.710		4.050.060.659	(126.821.194)
Hàng hóa	1.415.524.054		2.298.918.017	
<b>Cộng</b>	<b>24.013.227.547</b>	<b>(194.548.475)</b>	<b>20.013.339.090</b>	<b>(442.800.000)</b>

**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.307.000	67.928.816
<b>Cộng</b>	<b>8.307.000</b>	<b>67.928.816</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Số dư đầu kỳ	506.220.996	158.126.571
Tăng trong năm	435.248.644	
Phân loại lại từ TSCĐ hữu hình	47.666.693	365.811.306
Phân bổ trong kỳ	-228.902.598	-17.716.881
Các chi phí trả trước dài hạn khác		
<b>Cộng</b>	<b>760.233.735</b>	<b>506.220.996</b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	5.279.104.928	448.183.875	36.090.000	5.763.378.803
Mua trong năm/kỳ	2.718.536.669	962.123.636		3.680.660.305
Đầu tư XD CB hoàn thành				
Tăng khác				
Chuyển sang bất động sản đầu tư				
Thanh lý, nhượng bán		-448.183.875		-448.183.875
Giảm khác	-79.668.207			-79.668.207
<b>Số cuối năm/kỳ</b>	<b>7.917.973.390</b>	<b>962.123.636</b>	<b>36.090.000</b>	<b>8.916.187.026</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	-	-448.183.875	-16.541.250	-464.725.125
Khấu hao trong năm/kỳ	-856.506.515	-11.453.853	-18.045.000	-886.005.368
Tăng khác				
Chuyển sang bất động sản đầu tư				
Thanh lý, nhượng bán		448.183.875		448.183.875
Giảm khác	12.623.736			12.623.736

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Số cuối năm/kỳ	4.183.771.067	-11.453.853	-34.586.250	4.229.811.170
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.939.216.640		19.548.750	1.958.765.390
Số cuối năm/kỳ	3.734.202.323	950.669.783	1.503.750	4.686.375.856

**10. Tài sản cố định vô hình**

Là chương trình phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	159.181.000	48.926.316	110.254.684
Tăng trong năm		30.131.434	
Giảm trong năm			
Số cuối năm	159.181.000	79.057.750	80.123.250

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>12.227.022.091</b>	<b>28.249.454.913</b>
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	4 358 123 160	12 841 628 929
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	678 502 705	519 062 226
Công ty TNHH Một Thành Viên Logistics Sơn Hà	690 387 387	541 132 034
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)		
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	6 114 099 349	14 246 409 724
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	123 468 829	46 310 000
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	262 440 661	54 912 000
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>5.611.790.288</b>	<b>8.347.554.592</b>
Các nhà cung cấp khác	5.611.790.288	8.347.554.592
<b>Cộng</b>	<b>17.838.812.379</b>	<b>36.597.009.505</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm/kỳ	Số phát sinh trong năm/kỳ	Số cuối năm/kỳ
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	350 821 226	2.351.843.885	2.425.467.357	277.197.754
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		3.965.882.773	3.965.882.773	
Thuế tiêu thụ đặc biệt				
Thuế xuất, nhập khẩu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.218.378.043	4.106.900.101	3.589.949.355	1.735.328.789



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập cá nhân	40.947.658	204.450.318	156.778.686	88.619.290
Thuế tài nguyên				
Thuế nhà đất				
Tiền thuê đất				
Thuế bảo vệ môi trường				
Các loại thuế khác		3.000.000	3.000.000	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		125.760.000		125.760.000
<b>Cộng</b>	<b>1.610.146.927</b>	<b>10.757.837.077</b>	<b>10.141.078.171</b>	<b>2.226.905.833</b>

***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

***Thuế xuất, nhập khẩu***

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.645.748.466	4.989.082.061
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	30.895.477	2.413.088.549
- Các khoản điều chỉnh giảm	30.895.477	2.413.088.549
Thu nhập chịu thuế	8.676.643.943	7.402.170.610
Thu nhập tính thuế	8.676.643.943	7.402.170.610
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>1.735.328.789</b>	<b>1.480.434.122</b>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>1.735.328.789</i>	<i>1.480.434.122</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>		<i>-261.931.354</i>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>1.735.328.789</b>	<b>1.218.502.768</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

***Các loại thuế khác***

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm/kỳ</b>	<b>Số đầu năm/kỳ</b>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	-	-
<b><i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i></b>	-	<b>20.378.123</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các chi phí phải trả ngắn hạn khác		20.378.123
<b>Cộng</b>	-	<b>20.378.123</b>
<b>14. Phải trả ngắn hạn khác</b>		
	<b>Số cuối năm /kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn		
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	<b>420.280.250</b>	<b>317.412.455</b>
<b>Cộng</b>	<b>420.280.250</b>	<b>317.412.455</b>
Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.		

**15. Vay và nợ thuê tài chính****15a. Vay ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm /kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		12.278.096.341
Vay ngắn hạn ngân hàng		
<i>Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân <sup>(i)</sup></i>		12.278.096.341
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b)		
<b>Cộng</b>		<b>12.278.096.341</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

<sup>(i)</sup> Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/4916331/HĐTD ngày 01 tháng 8 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Hạn mức tín dụng thường xuyên được cấp với số tiền tối đa là 20.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức là từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 7 năm 2018. Thời hạn của các khoản vay là 06 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

<sup>(ii)</sup> Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2017/4916331/HĐTD ngày 21 tháng 09 năm 2017 để đầu tư mua sắm phương tiện vận tải, máy móc thiết bị cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Ngân hàng cho công ty vay với tổng số tiền tối đa là 5.938.000.000đ nhưng không vượt quá 75% tổng mức đầu tư thực tế của dự án. Khoản vay có thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2017/4916331/HĐBĐ ngày 26/09/2017.

**15b. Vay dài hạn**

	<b>Số cuối năm /kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ</i>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối năm /kỳ	Số đầu năm
<i>chức và cá nhân khác</i>		
Vay dài hạn ngân hàng BIDV Thanh Xuân		
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng ( thuyết minh 15a <sup>(iii)</sup> )		
<b>Cộng</b>	-	-
<i>Vay quá hạn chưa thanh toán</i>		
Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.		

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Số đầu năm</b>	<b>77.834.571</b>	<b>(12.952.000)</b>
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		
Tăng khác	12.490.200	200.266.571
Chi quỹ	(105.063.200)	(109.480.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>(14.738.429)</b>	<b>77.834.571</b>

**17. Vốn chủ sở hữu****17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	20.000.000.000		5.229.618.117	25.229.618.117
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán				
Tăng vốn từ lợi nhuận			9.277.908.180	9.277.908.180
Trích lập các quỹ		923.932.857	-1.108.719.428	-184.786.571
Chia cổ tức, lợi nhuận			-4.000.000.000	-4.000.000.000
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>923.932.857</b>	<b>9.398.806.869</b>	<b>30.322.739.726</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>923.932.857</b>	<b>9.398.806.869</b>	<b>30.322.739.726</b>
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán				
Phát hành cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển	800.000.000	800.000.000	-	
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	9.200.000.000		-9.200.000.000	
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	20.000.000.000			20.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ			16.228.449.688	16.228.449.688
<b>Số dư cuối năm nay/kỳ này</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>123.932.857</b>	<b>16.427.256.557</b>	<b>66.551.189.414</b>

**17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	25.795.000.000	10.318.000.000
Ông Lê Văn Tấn	11.705.000.000	5.682.000.000
Ông Hoàng Mạnh Tân	4.500.000.000	4.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Đàm Quang Hùng	2.500.000.000	
Cổ đông khác	5.500.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>

**17c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	2.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**17d. Phân phối lợi nhuận**

Ngày 3 tháng 4 năm 2018, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt Nghị quyết số 01/2018/NQ - ĐHĐCĐ về phương án chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 46% vốn điều lệ xác định tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu phổ thông được nhận 46 cổ phiếu phát hành thêm) và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ Quỹ đầu tư, phát triển thuộc nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ 25:1.

**18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	17.789.574.530	21.298.004.938
Doanh thu bán thành phẩm	59.659.078.803	54.329.466.739
Doanh thu cung cấp dịch vụ	846.280.325	4.808.000
Doanh thu khác	53.393.180	
<b>Cộng</b>	<b>78.348.326.838</b>	<b>75.632.279.677</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	-	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	12.182.872.530	11.662.329.121
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Toàn Mỹ	4.018.150.100	2.880.520.591
Công ty Cổ Phần Toàn Thắng	4.188.095.286	4.695.951.180
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)	11.192.317	74.629.834
Công ty TNHH Một thành viên Quốc Tế Sơn Hà - Chu Lai	2.390.142.210	1.354.697.990

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà Nghệ An	5.846.611.534	4.550.619.760
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Bắc	115.069.300	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung	461.175.595	526.390.900
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	44.885.602.449	42.250.350.898
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	1.289.881.294	6.055.856.618
khách hàng khác	2.959.534.223	1.580.932.785
<b>Tổng cộng</b>	<b>78.348.326.838</b>	<b>75.632.279.677</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
Chiết khấu thương mại		
Hàng bán bị trả lại	191.643.168	127.595.650
Giảm giá hàng bán		
<b>Cộng</b>	<b>191.643.168</b>	<b>127.595.650</b>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	16.089.733.648	20.177.303.307
Giá vốn của thành phẩm đã bán	51.324.187.561	45.966.101.839
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	26.550.041	-
<b>Cộng</b>	<b>67.440.471.250</b>	<b>66.143.405.146</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		
Lãi tiền gửi không kỳ hạn		
Lãi tiền cho vay	2.124.546	445.791.030
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	364.500.000	
Chiết khấu thanh toán		
<b>Cộng</b>	<b>366.624.546</b>	<b>445.791.030</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	4.571.620	95.831.937
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	34.170.953	16.867.214
Lãi trả chậm		
<b>Cộng</b>	<b>38.742.573</b>	<b>112.699.151</b>
<b>6. Chi phí bán hàng</b>		
	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên	256.292.982	469.695.445

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi phí bảo hành	23.232.464	109.817.247
Chi phí dịch vụ mua ngoài	766.272.549	646.252.287
Chi phí khác	395.850.336	74778780
<b>Tổng</b>	<b>1.441.648.331</b>	<b>1.300.543.759</b>

**7. Chi phí quản lý**

	Số kỳ này	Số kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	726.305.126	623.913.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	175.821.741	155.737.740
Chi phí khác	454.506.323	259.124.475
<b>Tổng</b>	<b>1.356.633.190</b>	<b>1.038.775.398</b>

**8. Thu nhập khác**

	Số kỳ này	Số kỳ trước
Lãi thanh lý nhượng bán TSCĐ	267.272.727	
Thu nhập khác	132.839.644	52.544.651
<b>Tổng</b>	<b>400.112.371</b>	<b>52.544.651</b>

**9. Chi phí khác**

	Số kỳ này	Số kỳ trước
Thuế bị phạt, bị truy thu		2.410.918.894
Chi phí khác	176.777	7.595.299
<b>Tổng</b>	<b>176.777</b>	<b>2.418.514.193</b>

**10. Lãi trên cổ phiếu****10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Số kỳ này	Số kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.910.419.677	3.770.579.293
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm		
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>		

**10b. Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chia cổ tức		
Bảo hiểm xã hội nộp hộ		

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 919.719.696 VND (năm trước là 1.207.780.776 VND).

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Công ty mẹ (SHI)
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà	Công ty con của SHI
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con của SHI
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Công ty con của SHI
	Phó Giám đốc của Công ty là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Toàn Thắng
Công ty Cổ phần Toàn Thắng	

### 2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

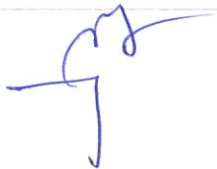
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Lập. ngày 19 tháng 01 năm 2019

**Người lập biểu**



Nguyễn Bá Thị Hợp

**Kế toán trưởng**



Nguyễn Bá Thị Hợp

**Giám đốc**



Hoàng Mạnh Tân